

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày 25-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân

Bà Đinh Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhứt Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Duy L**, sinh năm 1980 tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú ấp Định H, xã Long T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1952 ; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2010) và 01 con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Vào ngày 03/5/2002 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 30/4/2003, đã xóa án tích; Ngày 13/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 05/02/2013) ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/7/2020 đến ngày 10/7/2020 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần.. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Định H, xã Long T, huyện Tiểu C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 07/7/2020, Nguyễn Duy L điện thoại cho đối tượng nữ tên B ngụ phường , thành phố T, tỉnh T (không biết tên thật và địa chỉ cụ thể) đề hỏi mua 2.500.000 đồng đồ trắng (Heroine) để đem về sử dụng thì được B đồng ý. B kêu bị cáo L chạy lên khu vực ngã tư đèn xanh, đèn đỏ gần cửa hàng xe Bảy Chi thuộc phường , thành phố T để giao dịch mua bán, cùng lúc đó bị cáo hỏi xin B thêm vài tép ma túy đá để bị cáo pha chung với ma túy loại Heroine khi sử dụng, B trả lời “Ừ, chạy lên đi”.

Sau đó bị cáo L qua nhà anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975, cùng ngụ ấp Định H, xã Long Th để mượn xe mô tô của anh V, khi mượn được xe của anh V loại xe mô tô kiểu sirius, màu đỏ đen, biển số 84H9-4639 thì bị cáo điều khiển xe mô tô trên đi đến địa điểm khu vực ngã tư đèn xanh, đèn đỏ như đã hẹn với B. Đến địa điểm trên, L tiếp tục gọi cho B “Em tới rồi, em đậu xe cặp đường”, B nói “đứng đợi ở đó đi, chút xíu có người ra đưa”. L đứng đợi khoảng 10 phút thì có một người nam thanh niên đeo khẩu trang (không biết tên, địa chỉ) chạy xe Atila màu đen, (không nhớ biển số) đến gặp L và nói “Phải L không? Chị B kêu tôi ra đưa đồ cho ông nè”, bị cáo nói “Tôi L nè, có phải đồ của chị B không?”, nam thanh niên trả lời “Ừ, đưa tiền đây”, nên L đã đưa 2.500.000 đồng cho nam thanh niên rồi nam thanh niên đưa cho L một bọc nylon màu trắng đựng một hộp khăn giấy ướt và nói cho L biết ma túy được để trong khăn giấy để trong hộp khăn giấy ướt, L cầm bọc nylon đựng ma túy và hỏi số lượng ma túy đủ không? nam thanh niên nói: Đủ, cần kiểm tra lại không, còn cho ông thêm bên trong khăn giấy nữa kìa?” lúc này nam thanh niên trên đưa cho bị cáo L thêm 02 tép ma túy loại Heroine và nói “chị B cho ông thêm 02 cái nè khỏi lấy bên trong khăn giấy, mắc công bị người ta biết”. Sau đó L lấy hai tép ma túy loại Heroine cầm trên tay rồi để bọc nylon đựng ma túy mà L vừa mua của B treo ở бага trước xe mô tô 84H9-4639 và điều khiển xe về Tiểu Cần. Khi đi đến khu vực bãi rác Trà Vinh thì L ghé vào bụi lùm cây lấy hai tép ma túy loại Heroine sử dụng một mình. Sau khi sử dụng xong bị cáo L tiếp tục điều khiển xe mô tô 84H9-4639 đi về nhà, khi về đến khu vực gần Công ty TNHH Dày da Mỹ Phong thuộc ấp Phú Th, xã Hiếu T, huyện Tiểu C thì bị Công an bắt quả tang.

* Đồ vật, tài liệu tạm giữ: 56 (Năm mươi sáu) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu, trong đó: 48 đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng và 07 đoạn ống nhựa màu xanh sọc trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt, 01 đoạn ống nhựa màu vàng sọc trắng được hàn kín hai đầu bên

trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt ; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, kiểu sirius, màu đen đỏ, biển số xe 84H9-4639; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màn hình cảm ứng, màu xanh, gắn một sim số 0981710719 ; 01 (một) bọc nylon màu trắng; 01 (một) hộp nhựa màu trắng – tím (loại hộp đựng khăn ướt) hiệu BiBi Care; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh – trắng.

Tại kết luận giám định số 250/KLGD ngày 09/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

- Tinh bột màu trắng chứa trong 48 đoạn ống nhựa màu trắng được niêm phong trong gói ký hiệu A01 gửi giám định đều là ma túy, loại *Heroine*, tổng khối lượng 2,0105 gam;

- Tinh thể rắn trong suốt được chứa trong 08 đoạn ống nhựa hàn kín được niêm phong trong gói ký hiệu A02 gửi giám định đều là ma túy, loại *Methamphetamine*, tổng khối lượng là 0,4311 gam;

Tổng khối lượng của hai chất ma túy trên là 2,4416 gam.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu, sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo như sau:

Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt bị cáo từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù thời hạn tù được tính kể từ ngày 07/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng thu vào ngân sách nhà nước.

Đối với đối tượng tên B có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ tinh bột màu trắng là ma túy, loại heroin, có khối lượng còn lại sau giám định là 1,8898 gam được để trong phong bì niêm phong số 250/MA01; Tinh thể rắn trong suốt là ma túy, loại *Methamphetamine*, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,3269 gam được để trong phong bì niêm phong số 250/MA02; 01 (một) bọc nylon màu trắng; 01 (một) hộp nhựa màu trắng – tím (loại hộp đựng khăn ướt) hiệu BiBi Care; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh – trắng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màn hình cảm ứng, màu xanh, gắn một sim số 0981710719 (tài khoản không còn tiền).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84H9-4639, là xe của anh Nguyễn Văn V, khi bị cáo Linh thực hiện hành vi phạm tội thì anh V hoàn toàn không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả cho anh Nguyễn Văn V là phù hợp với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V trình bày: anh là anh ruột của bị cáo Nguyễn Duy L, vào ngày 07/7/2020 bị cáo Nguyễn Duy L có đến gặp trực tiếp anh để hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 84 H9- 4639 để đi Trà Vinh mua đồ dùng cá nhân và được anh đồng ý, sau đó L bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy cùng với xe của anh. Việc L mượn xe của anh để đi mua ma túy anh hoàn toàn không biết, hiện nay anh đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tiểu Cần trả lại xe mô tô biển kiểm soát 84 H9- 4639, nay anh không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Duy L có hành vi cất giấu trái phép 2.0105 gam là ma túy loại heroine và 0.4311 gam ma túy loại methamphetamine với mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù nhận thức được ma túy không chỉ gây tác hại rất lớn về sức khỏe cho chính người sử dụng mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này, là gánh nặng cho gia đình, xã hội và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nhưng vì mục đích sử dụng cho bản thân để thỏa mãn cơn nghiện và ý thức coi thường pháp luật, bị cáo vẫn tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo là người có nhân thân không tốt đã bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 49/HS-ST ngày 03/5/2002 chấp hành xong ngày 30/4/2003, đã xóa án tích; Ngày 13/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 05/02/2013) mặc dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân, tích cực lao động, rèn luyện phấn đấu trở thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo vẫn coi thường kỷ cương, pháp luật.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn Th, cha là ông Nguyễn Thành Q và mẹ là bà Nguyễn Thị T là người có công với cách mạng được nhà nước khen tặng “ Huy chương kháng chiến hạng nhì” nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, song dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[8]. Đối với đối tượng tên B có hành vi mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2020.

Phạt bổ sung: buộc Nguyễn Duy L phải nộp phạt 5.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ tinh bột màu trắng là ma túy, loại heroin, có khối lượng còn lại sau giám định là 1,8898 gam được để trong phong bì niêm phong số 250/MA01; Tinh thể rắn trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,3269 gam được để trong phong bì niêm phong số 250/MA02; 01 (một) bọc nylon màu trắng; 01 (một) hộp nhựa màu trắng – tím (loại hộp đựng khăn ướt) hiệu BiBi Care; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh – trắng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màn hình cảm ứng, màu xanh, gắn một sim số 098.171.07.19 (tài khoản không còn tiền).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84H9-4639, là xe của anh Nguyễn Văn V, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả cho anh Nguyễn Văn V là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Long Thới;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân

thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào

hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

